

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**HUYỆN V**

**TỈNH HƯNG YÊN**

**Số: 62/2022/QĐST - HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hưng Yên, ngày 08 tháng 6 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 51/2022/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa:

**Nguyên đơn:** A Đặng Tuấn A, sinh năm 1993

STQ: thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1999

STQ: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Đặng Phúc A, sinh ngày 08/12/2020

STQ: thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên

**Người đại diện hợp pháp của cháu A:** Chị D – là mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2022.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** A Đặng Tuấn A và chị Nguyễn Thị D.

**2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**\* Về tình cảm vợ chồng:** Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa A Đặng Tuấn A và chị Nguyễn Thị D.

**\* Về con chung:** A Tuấn A, chị D xác định vợ chồng có 01 con chung cháu tên Đặng Phúc An, sinh ngày 08/12/2020. Chấp nhận sự thỏa thuận của A Tuấn A, chị D giao cháu Đặng Phúc An, sinh ngày 08/12/2020 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu A Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn A Tuấn A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**\* Về tài sản chung của vợ chồng, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức:** Chấp nhận sự tự nguyện của A Tuấn A, chị D không đề nghị Tòa án đặt ra để giải quyết.

**\* Về án phí:** Chấp nhận sự tự nguyện của A Tuấn A xin chịu cả 150.000 đồng ( Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ với 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí A Tuấn A đã nộp theo biên lai số 11674 ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, trả lại A Tuấn A số tiền 150.000 đồng ( Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS huyện V;
- UBND xã C;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị T**